

Số: 509/QĐ-TTYT

Lái Thiêu, ngày 30 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu
Gói thầu: Hóa chất tổng hợp năm 2026 – 2027 (Lần 2)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật đầu tư, Luật đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị Định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông Tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết Định số 1197/QĐ-UBND ngày 30 tháng 08 năm 2025 về việc tổ chức lại các trạm y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Thuận An và đổi tên Trung tâm Y tế thành phố Thuận An thành Trung tâm Y tế Khu vực Thuận An trực thuộc Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản số 74 /BB-HĐMS-TTYT ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng mua sắm về việc thông qua các gói mua sắm ngày 16/6/2026;

Căn cứ Quyết định số 444/QĐ-TTYT ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An về việc phê duyệt danh mục và thông số kỹ thuật Gói thầu: Hóa chất tổng hợp năm 2026-2027 (Lần 2);

Căn cứ Quyết định số 446/QĐ-TTYT ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An về việc phê duyệt chủ trương thực hiện mua sắm Gói thầu: Hóa chất tổng hợp năm 2026-2027 (Lần 2);

Căn cứ Biên bản xét chọn số 78/BB-TTVCG-TTYT ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc xét chọn đơn vị cung cấp: Cung cấp dịch vụ Tư vấn lập E-HSMT & đánh giá E-HSDT và thẩm định E-HSMT & kết quả lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu: "Hóa chất tổng hợp năm 2026-2027 (Lần 2)";

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TTYT ngày 22 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Thuận An về việc phê duyệt dự toán kinh phí mua sắm Gói thầu: Hóa chất tổng hợp năm 2026-2027 (Lần 2).

Xét đề xuất của Khoa Dược tại Tờ trình số 129/TTr-KD ngày 27/7/2026 của Khoa Dược về việc xin phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Hóa chất tổng hợp năm 2026-2027 (Lần 2).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Hóa chất tổng hợp năm 2026-2027 (Lần 2):

- Chủ đầu tư: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An;
- Tên dự toán mua sắm: Hóa chất tổng hợp năm 2026–2027 (Lần 2);
- Tổng dự toán: 1.480.378.500 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng./.)

Trong đó:

- + Chi phí Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT: 17.500.000 đồng
- + Chi phí Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu: 9.000.000 đồng
- + Chi phí mua sắm hàng hóa: 1.453.878.500 đồng.
- Nguồn vốn: Từ nguồn thu viện phí năm 2026-2027;
- Thời gian thực hiện: 12 tháng;
- Địa điểm thực hiện: Trung tâm Y tế khu vực Thuận An - Địa chỉ: đường Nguyễn Văn Tiết, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quy mô dự án: Hóa chất tổng hợp năm 2026 – 2027 (Lần 2);
- Phần kinh phí không dùng để mua sắm: 26.500.000 đồng;
- Dự toán mua sắm: 1.453.878.500 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm năm mươi ba triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng./.)

Điều 2. Chủ tịch Hội đồng mua sắm, Khoa Dược, Phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm, thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3: Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Trưởng phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng khoa Dược và các Khoa/Phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *KL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, Dược.

GIÁM ĐỐC



Phan Quang Toàn



SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM Y TẾ
KHU VỰC THUẬN AN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU
DANH MỤC MUA SẴM HÓA CHẤT TỔNG HỢP NĂM 2026-2027 (LẦN 2)
(Định Theo Quyết định số 509/QĐ-TTYP ngày 30 tháng 7 năm 2026)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm	Giám sát hoạt động đấu thầu
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu										
1	Trung tâm Y tế khu vực Thuận An	Hóa chất tổng hợp năm 2026-2027 (Lần 2)	Mua sắm Hóa chất tổng hợp phục vụ cho công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm	1.453.878.500 đồng	Nguồn thu viện phí năm 2026-2027	Đấu thầu rộng rãi	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	60 ngày	Quý III năm 2026	Theo đơn giá cố định	12 tháng	Không yêu cầu	Không yêu cầu

2	Tư vấn lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	Lựa chọn nhà thầu tư vấn lập Hồ sơ mời thầu	17.500.000 đồng	Chỉ định thầu rút gọn	-	15 ngày	Quý III năm 2026	Trọn gói	60 ngày	Không yêu cầu	Không yêu cầu
3	Thẩm định E-HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	Lựa chọn nhà thầu tư vấn thẩm định, Hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	9.000.000 đồng	Chỉ định thầu rút gọn	-	15 ngày	Quý III năm 2026	Trọn gói	60 ngày	Không yêu cầu	Không yêu cầu
Tổng cộng: 1.480.378.500 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm tám mươi triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng./.)											

DANH MỤC

GỎI THẦU: HÓA CHẤT TỔNG HỢP NĂM 2026-2027 (Lần 2)

Đính kèm theo Quyết định số 509/QĐ-TTYT ngày 30 tháng 7 năm 2026)



STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chlorhexidine digluconate 4%	Dung dịch khử khuẩn dùng trong vệ sinh tay thường quy ngoại khoa dùng dịch dùng trước phẫu thuật. Thành phần tối thiểu: Chlorhexidine digluconate $\geq 4\%$ Quy cách: chai 500ml Tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001/ ISO 13485	chai	498	155.000	77.190.000	
2	Định nhóm máu A (Anti A)	Dung dịch xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ ABO Hóa chất xác định nhóm máu A Thành phần: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti A Quy cách: Lọ 10ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485	lọ	50	115.000	5.750.000	
3	Định nhóm máu AB (Anti AB)	Dung dịch xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ ABO Hóa chất xác định nhóm máu AB Thành phần: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti AB Quy cách: Lọ 10ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485	lọ	10	115.000	1.150.000	
4	Định nhóm máu B (Anti B)	Dung dịch xét nghiệm định tính định nhóm máu hệ ABO Hóa chất xác định nhóm máu B Thành phần: Kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti B Quy cách: Lọ 10ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485	lọ	50	115.000	5.750.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
5	Anti- Human Globulin (AHG)	AHG được dùng trong xét nghiệm Coombs (Coombs test) để phát hiện sự hiện diện của kháng thể hoặc bổ thể đã gắn lên bề mặt hồng cầu. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001/ ISO 13485	lọ	10	295.000	2.950.000	
6	Dung dịch LISS (dung dịch muối có nồng độ ion thấp)	Được sử dụng làm chất tăng cường cho tế bào hồng cầu, làm giảm cường độ ion của kháng thể. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001/ ISO 13485	ml	500	37.500	18.750.000	
7	Định nhóm máu D (Anti D)	Dung dịch định nhóm máu Rh Là hỗn hợp của kháng thể đơn dòng lớp IgM và IgG Hóa chất xác định nhóm máu Rh Thành phần: kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai (CCS) Anti-D Quy cách: Lọ 10ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485	lọ	50	240.000	12.000.000	
8	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh dùng trong vệ sinh tay thường quy Hoạt chất: $\geq$ Ethanol 50% (w/w), Isopropanol 28% (w/w), Chlorhexidine digluconate (chlorhexidine gluconate) 0,5% (w/w). Quy cách: chai 500ml dạng dung dịch Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485	chai	3.252	125.000	406.500.000	
9	Dung dịch tẩy rửa dụng cụ y tế	Thành phần: $\geq$ 14% N.N-Didecyl-N-Methyl-poly(oxyethyl)ammonium propionate + $\geq$ 0.3% Chlorhexidine digluconate, hỗn hợp 3 enzyme: protease, lipase và amylase chất hoạt động bề mặt Quy cách: can/5 lít Tiêu chuẩn chất lượng: EC/ISO 9001/ ISO 13485/ISO 15883 (chống lại màng Biofilm)	can	122	3.450.000	420.900.000	
10	Tube EDTA nắp cao su	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP Nắp cao su chất chống đông là EDTA (Ethylenediaminetetra acid)	ống	122.450	1.500	183.675.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		Kích thước ống 12x75mm, sử dụng trong xét nghiệm công thức máu và HbA1c Ống nghiệm nhựa trung tính, nhãn và nắp màu xanh dương, nắp cao su có phủ bọc nhựa màu xanh dương Thiết kế phù hợp cho mọi hệ thống huyết học tự động Quy cách: ống 2ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485 Năm sản xuất: từ 2026 trở về sau.					
11	Tube EDTA nắp xanh dương	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP Kích thước ống 12x75mm Nắp xanh dương bằng nhựa LDPE Hóa chất chống đông bên trong là Ethylenediaminetetra acid (EDTA K2) Sử dụng trong xét nghiệm công thức máu và HbA1c Quy cách: ống 2ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485 Năm sản xuất: từ 2026 trở về sau.	ống	77.200	820	63.304.000	
12	Tube Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP Ống nghiệm nắp bật, nắp nhựa màu đen. Có lượng chống đông Lithium dưới dạng sương bám trên thành trong ống nghiệm ở nồng độ tiêu chuẩn Đủ để chống đông máu Ổn định các thành phần máu khoảng 6-8 giờ ở nhiệt độ phòng xét nghiệm Quy cách: ống 2ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485 Năm sản xuất: từ 2026 trở về sau.	ống	96.000	950	91.200.000	
13	Tube serum	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP Nắp bằng nhựa đây kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống	ống	58.350	950	55.432.500	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	DVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		Dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh Kích thước ống 12x75mm Có vạch định mức lấy mẫu Chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5-10 phút, nhãn màu đỏ Ống đạt tiêu chí độ vô khuẩn Quy cách: ống 5ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485 Năm sản xuất: từ 2026 trở về sau.					
		Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP Kích thước 12x75mm Nắp bằng nhựa xanh lá Hóa chất bên trong là Trisodium Citrate 3.8% Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml máu trên nhãn ống Sử dụng trong các xét nghiệm đông máu Quy cách: Ống 2ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485 Năm sản xuất: từ 2026 trở về sau.	ống	12.950	1.000	12.950.000	
14	TubeNatri Citrate						
15	Viên sát khuẩn Presept	Dạng viên nén, khử khuẩn nhanh bề mặt, đồ vải, đồ thủy tinh và các dụng cụ khác trong phòng xét nghiệm Quy cách: 100 viên/hộp Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485	viên	2.640	5.300	13.992.000	
16	Cồn (tuyệt đối)	Thành phần: Ethanol có nồng độ tối thiểu 90 độ Chai 1 lít.	Chai	12	115.000	1.380.000	
17	Tube EDTA K3 nhí	Ống nghiệm nhựa PET. Kích thước 13*100 mm. Ống nghiệm đã được hút chân không với thể tích mẫu đến 6,0 ml, vô trùng. Nắp bật dây ống nghiệm: nắp nhựa màu tím, nút cao su bên trong nắp được làm từ cao su và Silicon D.	ống	14.700	1.650	24.255.000	

STT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		Nắp dính liền ống Ống được phun phủ K3-EDTA trên mặt trong thành ống Chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6000 vòng/ phút trong thời gian 10 phút có phiếu kiểm nghiệm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016/ CE Năm sản xuất: từ 2026 trở về sau.					
18	Dung dịch khử khuẩn nhanh bề mặt	Thành phần: Didecyl dimethyl ammonium chloride, Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride, Ethanol, chất hoạt động bề mặt, chất khóa ion, chất chỉnh pH, chất chống ăn mòn, hương liệu... Quy cách đóng gói: 500ml Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001/ ISO 13485	Chai	152	225.000	34.200.000	
19	Dung dịch sát trùng da nhanh	Thành phần: Chlorhexidin Digluconate 0.5%, Alpha-Terpineol 0.5%, Ethanol 76% Quy cách đóng gói: 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 9001/ ISO 13485	Chai	30	145.000	4.350.000	
20	Hóa chất khử khuẩn dụng cụ mức độ trung bình	Dung dịch khử khuẩn dùng cho trang thiết bị y tế: thiết bị phẫu thuật, thiết bị nội soi và các thiết bị không chịu nhiệt. Thành phần: Glutaraldehyde 2% Quy cách đóng gói: can/5 lít Tiêu chuẩn: ISO 9001/ ISO 13485 Năm sản xuất từ 2026 trở về sau.	Lít	130	140.000	18.200.000	

